

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK
NĂM 2022

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 6000175995 đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 4 năm 2006; đăng ký sửa đổi lần thứ 7 ngày 07 tháng 02 năm 2023.
- Vốn điều lệ: 315.200.000.000 đồng (*Ba trăm mười lăm tỷ, hai trăm triệu đồng*)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu:
- Địa chỉ: 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.
- Số điện thoại: 0262.3852.619
- Website: Dawako.com.vn
- Mã cổ phiếu: DWC
- Quá trình hình thành và phát triển:
Tóm tắt quá trình hình thành, chia, tách, hợp nhất, sáp nhập và phát triển của Công

ty:

Thời gian	Sự kiện tiêu biểu
Năm 1964	Nhà cấp thủy Đắk Lắk (thuộc Quốc gia thủy cục trước đây) được xây dựng năm 1964 với công suất 4.000 m ³ /ngày đêm là tiền thân của Công ty Cấp nước Đắk Lắk hiện nay.
Năm 1975	Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, Công ty được chính quyền mới thành lập lấy tên là Nhà máy nước Thị xã Buôn Ma Thuột với chức năng sản xuất và cung cấp nước máy cho trung tâm Thị xã Buôn Ma Thuột với công suất sản xuất và khai thác là 5.000 m ³ /ngày.
Năm 1985	Thực hiện chủ trương chuyển đổi nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung, Nhà máy nước được Ủy ban nhân dân Tỉnh quyết định đổi tên thành Xí nghiệp Cấp nước Đắk Lắk (Xí nghiệp cấp tỉnh) với chức năng sản xuất và cung ứng nước máy trên địa bàn Thị xã Buôn Ma Thuột với công suất 7.000 m ³ /ngày đêm.
Năm 1993 - 1996	Với sự lớn mạnh của Xí nghiệp đồng thời thực hiện thêm chức năng thoát nước, Xí nghiệp được đổi tên thành Công ty Cấp thoát

Thời gian	Sự kiện tiêu biểu
	<p>nước Đắk Lắk theo Quyết định số 124/QĐ-UB ngày 03/03/1993 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk và lần lượt được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 101.170 của Trọng tài kinh tế ngày 15/04/1993, Giấy phép Hành nghề xây dựng số 0002/GP-XD của Sở Xây Dựng Đắk Lắk ngày 16/04/1994 và Chứng chỉ hành nghề Tư vấn xây dựng số 300.100.012 của Sở Xây Dựng Đắk Lắk ngày 06/09/1996.</p> <p>Với chức năng nhiệm vụ sản xuất cung ứng nước máy, xây dựng hệ thống cấp thoát nước và tư vấn xây dựng cấp thoát nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, UBND tỉnh Đắk Lắk đã cùng Công ty đầu tư nâng công suất từ 7.000 m³/ngày đêm lên 15.000 m³/ngày đêm.</p>
Năm 2006	<p>Với sự lớn mạnh của Công ty cũng như đáp ứng xu thế toàn cầu hóa, Công ty Cấp thoát nước Đắk Lắk chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Cấp nước và Đầu tư xây dựng Đắk Lắk theo Quyết định số 98/QĐ-UB ngày 12 tháng 01 năm 2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk.</p>
Năm 2018	<p>Ngày 26/12/2018, Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành quyết định số 3514/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp nước và Đầu tư xây dựng Đắk Lắk chuyển đổi thành Công ty cổ phần Cấp nước Đắk Lắk.</p>
Năm 2019	<p>Công ty TNHH MTV Cấp nước và Đầu tư xây dựng Đắk Lắk chính thức chuyển đổi thành Công ty cổ phần Cấp nước Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6000175995 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp, đăng ký lần đầu ngày 28/04/2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 27/06/2019.</p>

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh: Công ty hoạt động chính trong lĩnh vực khai thác, xử lý và cung cấp nước, trong đó chủ yếu là sản xuất và cung cấp nước phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt và sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Địa bàn kinh doanh: Ngoài trụ sở chính đặt tại Thành phố Buôn Ma Thuột, Công ty có 07 chi nhánh cấp nước phân bố tại các huyện: Buôn Hồ, Krông Pắc, Ea Kar, Cư Mgar, Ea Súp, Buôn Đôn, Krông Năng.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

a. Mô hình quản trị: Theo Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty cổ phần Cấp nước Đắk Lắk, cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng quản trị
- Ban Kiểm soát
- Tổng giám đốc

b. Cơ cấu bộ máy quản lý:

- **Ban Tổng giám đốc:** Gồm Tổng giám đốc (phụ trách chung), 03 Phó Tổng giám đốc, trong đó:

+ Tổng giám đốc: Chịu trách nhiệm điều hành chung và trực tiếp phụ trách phòng Tổ chức – Hành chính, Kỹ thuật, Chi nhánh cấp nước Buôn Hồ.

+ Phó Tổng Giám đốc: Phụ trách phòng Kế toán – Tài vụ, Kế hoạch – Vật tư, Xí nghiệp Xây lắp và Kiểm định.

+ Phó Tổng Giám đốc: Phụ trách phòng Thanh tra – Pháp chế, KCS, Chi nhánh cấp nước Cư Mgar, Buôn Đôn, Ea Súp.

+ Phó Tổng Giám đốc: Kiêm giám đốc Chi nhánh cấp nước Buôn Ma Thuật, phụ trách Chi nhánh cấp nước Krông Năng, Ea Kar, Krông Pắc.

- Các phòng ban chuyên môn, chi nhánh cấp nước:

Công ty cổ phần Cấp nước gồm 07 bộ phận chuyên môn và 08 chi nhánh cấp nước cụ thể như sau:

+ Phòng Kế toán – Tài vụ

+ Phòng Tổ chức – Hành chính

+ Phòng Kế hoạch – Vật tư

+ Phòng Dịch vụ khách hàng

+ Phòng KCS

+ Phòng Thanh tra – Pháp chế

+ Chi nhánh cấp nước Buôn Ma Thuật

+ Chi nhánh cấp nước Buôn Hồ

+ Chi nhánh cấp nước Cư Mgar

+ Chi nhánh cấp nước Krông Pắc

+ Chi nhánh cấp nước Ea Kar

+ Chi nhánh cấp nước Ea Súp

+ Chi nhánh cấp nước Krông Năng

+ Chi nhánh cấp nước Buôn Đôn

+ Xí nghiệp Xây lắp và Kiểm định

c. Các công ty con, công ty liên kết: Không

4. Định hướng phát triển

a. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.

- Cung cấp nước sạch một cách ổn định, đảm bảo chất lượng, an toàn, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo tiêu chuẩn quy định cho khách hàng trên địa bàn quản lý. Tiếp tục duy trì 100% hộ dân trên địa bàn được cung cấp và sử dụng nước sạch.

- Phần đầu đạt sản lượng nước cung cấp, doanh thu, lợi nhuận và tỷ lệ chi trả cổ tức theo chỉ tiêu đề ra.

- Bảo toàn, sử dụng hiệu quả nguồn vốn của đơn vị; đảm bảo hoạt động tài chính lành mạnh.

- Nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng, giải quyết kịp thời 24/7 trên mọi lĩnh vực quản lý mạng lưới và giải quyết thắc mắc, sự cố cấp nước cho khách hàng nhanh nhất và an toàn, an ninh.

- Luôn nỗ lực chăm sóc khách hàng, lấy sự hài lòng của khách hàng làm mục tiêu phấn đấu.

- Tổ chức, quản lý lao động, đào tạo nguồn nhân lực theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại; đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, quản lý, điều hành và thương mại điện tử.

- Xây dựng Công ty cổ phần Cấp nước Đắc Lắc là doanh nghiệp phát triển bền vững, bảo vệ môi trường và thực hiện trách nhiệm xã hội, nghĩa vụ với Nhà nước; đảm bảo hài hòa quyền lợi của cổ đông, đối tác, khách hàng, người lao động và cộng đồng.

b. Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

- Tiếp tục tập trung chỉ đạo vào khai thác để phát huy hiệu quả của dự án, đẩy nhanh tiến độ khôi phục khách hàng cũ, chuyển dịch tỷ lệ sử dụng nước sạch của các nhà hàng, khách sạn chiếm tỷ trọng lớn hơn. Đồng thời, Ban lãnh đạo Công ty chỉ đạo tập trung tìm kiếm nguồn vốn vay ưu đãi phát triển các dự án đầu tư mở mạng để thực hiện kế hoạch kinh doanh và chiến lược phát triển khách hàng trong các năm tiếp theo nhằm chuẩn bị cho chiến lược trung và dài hạn của Công ty.

- Tiếp tục vận động khách hàng sử dụng phương thức thanh toán qua các kênh trích nợ tự động, thanh toán chuyển khoản ngân hàng, thu hộ, tiến tới 95% khách hàng của toàn Công ty thanh toán không tiền mặt. Cải thiện và ổn định quy trình ghi thu, dịch vụ khách hàng cho phù hợp, tạo sự thống nhất trong toàn Công ty.

- Mở rộng mạng lưới kinh doanh, tiếp tục duy trì ổn định việc làm, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần CB-CNV, người lao động; giải quyết hài hòa giữa lợi ích Công ty, năng suất lao động, thu nhập người lao động.

- Hoàn thiện các quy chế, quy trình, nâng cao vai trò của Ban điều hành để kịp thời phối hợp và xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo tối đa lợi ích của cổ đông.

c. Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định pháp luật trong hoạt động sản xuất kinh doanh, hoàn thành tốt nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước.

- Nâng cao chất lượng dịch vụ, phục vụ khách hàng; đáp ứng nhu cầu nước sạch, đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng cho phép, góp phần đảm bảo sức khỏe của người dân.

- Hoàn thiện hệ thống mạng lưới cấp nước trên địa bàn, thực hiện nghiêm quy định bảo vệ hệ thống công trình ngầm trong đô thị trong thi công hệ thống cấp nước; phối hợp với cơ quan chức năng trong việc hạn chế tình trạng khai thác, sử dụng nước ngầm.

- Đảm bảo hài hòa lợi ích giữa Doanh nghiệp, người lao động và cổ đông Công ty.

5. Các rủi ro:

Năm 2022 là năm toàn quốc trong công cuộc khôi phục lại các hoạt động sản xuất, kinh doanh sau 02 năm đầy khó khăn vì chống dịch covid. Công ty CP Cấp nước Đắc Lắc vẫn luôn cố gắng duy trì mọi hoạt động sản xuất kinh doanh và tự hào là doanh nghiệp có đóng góp tích cực và đi đầu trong công tác an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh Đắc Lắc.

Năm 2022, Công ty thực hiện tái cơ cấu tổ chức và nhân sự, dẫn đến gặp một số khó khăn trong việc đảm bảo nhân lực và tiến độ hoàn thành công việc. Bên cạnh việc phải xây dựng lại công tác quản trị doanh nghiệp, Công ty cũng gặp khó khăn tài chính do giá nước mới chưa được phê duyệt nhưng vẫn phải thực hiện trả nợ vay ADB theo như cam kết, đồng thời, sự chênh lệch tỷ giá đã làm chi phí công ty tăng đột biến, ảnh hưởng lớn đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

a. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2022:

Sau khi tình hình dịch bệnh Covid đã ổn định, các hoạt động kinh doanh, buôn bán trên địa bàn tỉnh dần khôi phục, góp phần cải thiện tình hình sản xuất kinh doanh tại Công ty so với năm 2021.

Các chỉ tiêu kinh doanh sản xuất như tổng doanh thu, nước sản xuất và nước ghi thu cơ bản đạt kế hoạch đề ra.

b. Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Các chỉ tiêu thực hiện cơ bản năm 2022:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2022	Kế hoạch 2022	% thực hiện so với kế hoạch
1	Doanh thu	Tỷ đồng	191,53	184,31	103,92%
2	Nước sản xuất	Triệu m ³	22,17	21,84	101,48%
3	Nước ghi thu	Triệu m ³	18,17	18,15	100,13%
4	Nước không doanh thu	%	18,02	16,92	1,10%
5	Phát triển khách hàng	Hộ	5.746	7.568	75,93%
6	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	(15,38)	(9,56)	
7	Tỷ lệ cố tức năm 2021 dự kiến	%	0 %	0 %	0 %
8	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	315,2	315,2	100 %

c. Tình hình thực hiện so với năm trước:

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% thực hiện so với năm trước
1. Tổng doanh thu và thu nhập khác	171.657	191.595	104,69%
- Doanh thu thuần về bán hàng	169.609	189.597	105,91%
- Doanh thu hoạt động tài chính	1.219	1.388	43,66%
- Thu nhập khác	829	610	74,39%
2. Tổng chi phí	170.018	176.219	96,64%
3. Tổng lợi nhuận trước thuế	2.164	-15.376	
VI. Chỉ tiêu khác			
1. Tổng số phát sinh phải nộp ngân sách	30.661	29.925	98,99%
2. Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu (%)	0,69%	0	
3. Tổng nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu (%)	165,37%	159,33%	96,81%

4. Tổng quỹ lương	54.172	40.341	92,31%
5. Số lao động bình quân (người)	396	301	75,06%
6. Tiền lương bình quân người/năm	11,4	11,17	98,84%

2. Tổ chức và nhân sự

a. Danh sách Ban điều hành:

STT	Thành viên Ban điều hành	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm thành viên Ban điều hành	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
1	Nguyễn Khắc Dân	10/08/1964	Đại học	24/06/2019	0.02%
2	Nguyễn Hùng	16/02/1978	Đại học	24/06/2019	0.02%
3	Nguyễn Công Định	21/03/1971	Đại học	26/07/2019	0.02%
4	Hoàng Thị Thu Hà	23/08/1987	Thạc sỹ	06/01/2022	0%
5	Trần Quốc Độ	08/08/1973	Đại học	15/11/2019	0.02%

b. Những thay đổi trong ban điều hành: Bổ nhiệm bà Hoàng Thị Thu Hà giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty kể từ ngày 06/01/2022 căn cứ theo Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐQT ngày 06/01/2022 của Hội đồng quản trị Công ty.

c. Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

Tổng số lao động đến ngày 31/12/2022 là 325 người, trong đó: có 64 lao động nữ; lao động có trình độ đại học và trên đại học là 114 người, chiếm 35,1%; trình độ cao đẳng, trung cấp là 72 người, chiếm 22,2 %; công nhân kỹ thuật 139 người, chiếm 42.7%.

Công ty luôn thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách, phúc lợi cho người lao động như chế độ lương, thưởng, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm thân thể, tiền ăn giữa ca, tiền đồng phục, khám sức khỏe định kỳ, thăm hỏi ốm đau,... và nhiều hoạt động chăm lo đời sống vật chất, tinh thần khác.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a. Các khoản đầu tư lớn: Không có

b. Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% (+/-)	Ghi chú
1	Tổng giá trị tài sản	827,859	769.127	0,93	
2	Vốn chủ sở hữu	311,962	296.585	0,95	
3	Doanh thu thuần	179,014	189.534	1,06	
4	Lợi nhuận từ HĐKD	73	-15.245	-208,84	
5	Lợi nhuận khác	604	-131	-0,22	

6	Lợi nhuận trước thuế	677	-15.376	-22,75	
7	Lợi nhuận sau thuế	677	0	0,00	
8	Giá trị sổ sách (đồng/cổ phần)	21	21	1,00	

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	Lần	1.19	1,27	
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn				
+ Hệ số thanh toán nhanh:	Lần	0.98	1,03	
(TS ngắn hạn- Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn				
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	0.62	0,53	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	1.65	1,38	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
+ Vòng quay hàng tồn kho:	vòng	4.69	4,83	
Giá vốn hàng bán /Hàng tồn kho BQ				
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản BQ	vòng	0.22	0,24	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
+ Hệ số LNST/Doanh thu thuần	%	0.004	-0,083	
+ Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	0.002	-0,051	
+ Hệ số LNST/Tổng tài sản bình quân	%	0.001	-0,020	
+ Hệ số LN từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	0.000	-0,080	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

- Tên chứng khoán: Cổ phiếu Công ty cổ phần Cấp nước Đắk Lắk
- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng
- Mã chứng khoán: DWC
- Tổng số lượng đăng ký giao dịch: 31.520.000 cổ phiếu
- Tổng số giá trị đăng ký giao dịch: 315.200.000.000 đồng

- Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Pháp luật hoặc của Tổ chức ĐKGD: 914.800 cổ phiếu, là cổ phần bán thêm cho CBCNV theo số năm cam kết làm việc.

b) Cơ cấu cổ đông:

- **Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty tại ngày 31/12/2022**

TT	Cổ đông	Địa chỉ	SLCP	Tỷ lệ
1	Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk	09 Lê Duẩn, phường Tự An, Tp Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk	11.347.200	36,00%
2	Đỗ Hoàng Phúc	Số 12 đường Trịnh Tú, Ninh Khánh, Ninh Bình	5.000.000	15,86%
3	Phạm Thị Linh	Số 12 đường Trịnh Tú, Ninh Khánh, Ninh Bình	7.818.100	24,80%
4	Đỗ Hoàng Phương	Số 12 đường Trịnh Tú, Ninh Khánh, Ninh Bình	5.835.200	18,51%
Tổng cộng			30.000.500	95,18 %

- Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ:

Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp năm 2020, công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước không nhất thiết phải có cổ đông sáng lập. Theo đó, tại thời điểm thực hiện chuyển đổi sang loại hình CTCP, Công ty không đăng ký cổ đông sáng lập.

- Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 31/12/2022 như sau:

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ
1	Cổ đông trong nước	392	31.518.900	100 %
1.1	Tổ chức	2	11.387.200	36,127%
1.2	Cá nhân	390	20.131.700	63,870 %
2	Cổ đông nước ngoài	3	1.100	0,003 %
Tổng cộng		395	31.520.000	100 %

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e) Các chứng khoán khác: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Tác động lên môi trường:

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: Không có

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: Không có

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất nước sạch trong năm 2022:

STT	Tên Nguyên vật liệu	Đơn vị tính	Tổng số lượng
1	Clo lỏng	Kg	15.800
2	Hoá chất PAC	Kg	81.500
3	Phèn	Kg	20.000
4	Muối sản xuất javen	Kg	5.000

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không có.

6.3. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp.

Đơn vị tính: KW

STT	Chi nhánh	Lượng điện tiêu thụ
1	Buôn Ma Thuột	6.333.715
2	Krông Păk	170.433
3	Buôn Hồ	1.463.980
4	Cư M'gar	140.324
5	Ea Kar	75.710
6	Ea Súp	199.727
7	Buôn Đôn	49.906
8	Krông Năng	31.224
	Tổng cộng	8.465.019

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này.

6.4. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng.

STT	CN sản xuất nước	Nguồn cung cấp	Sản lượng sản xuất (m ³)
1	Buôn Ma Thuột	Nước mặt, nước dưới đất	18.012.547
2	Krông Păk	Nước dưới đất	890.712
3	Buôn Hồ	Nước mặt, nước dưới đất	2.151.034
4	Cư M'gar	Nước dưới đất	263.107
5	Ea Kar	Nước mặt	126.721
6	Ea Súp	Nước mặt	675.861
7	Buôn Đôn	Nước mặt	30.190
8	Krông Năng	Nước mặt	14.783
	Tổng cộng		22.164.955

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không có

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Tổng số lao động đến ngày 31/12/2022 là 325 người, trong đó: có 64 lao động nữ; lao động có trình độ đại học và trên đại học là 114 người, chiếm 35,1%; trình độ cao đẳng, trung cấp là 72 người, chiếm 22,2 %; công nhân kỹ thuật 139 người, chiếm 42.7%.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

Công ty luôn thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách, phúc lợi cho người lao động như chế độ lương, thưởng, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm thân thể, tiền ăn giữa ca, tiền đồng phục, khám sức khỏe định kỳ, thăm hỏi ốm đau,... và nhiều hoạt động chăm lo đời sống vật chất, tinh thần khác.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

Có chương trình đào tạo nghiệp vụ nội bộ cho Người lao động trong Công ty.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Công ty tham gia đóng góp hỗ trợ, tặng quà cho các buôn làng tại địa phương vào các dịp Lễ, Tết...

Trích nộp quỹ phòng chống thiên tai năm 2022 với tổng số tiền là: 123.614.231 đồng (*Bằng chữ: Một trăm hai mươi ba triệu sáu trăm mười bốn ngàn hai trăm ba mươi mốt đồng*).

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Bám sát những định hướng đã được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua, Ban Tổng Giám đốc phân tích các yếu tố tác động, dự báo các ảnh hưởng, từ đó xây dựng định hướng chiến lược phát triển và triển khai kế hoạch hành động cụ thể. Một mặt duy trì và phát huy tối đa hiệu quả sử dụng của các tài sản, nguồn lực hiện hữu, nhằm phục vụ khách hàng một cách tốt nhất nhưng vẫn đảm bảo lợi ích của Công ty.

Sau khi tình hình dịch bệnh Covid đã ổn định, các hoạt động kinh doanh, buôn bán trên địa bàn tỉnh dần khôi phục, góp phần cải thiện tình hình sản xuất kinh doanh tại Công ty so với năm 2021. Ban Tổng giám đốc đã tích cực lãnh đạo Công ty điều hành sản xuất kinh doanh, bám sát các chỉ tiêu kế hoạch đề ra để thực hiện. Các chỉ tiêu kinh doanh sản xuất như tổng doanh thu, nước sản xuất và nước ghi thu cơ bản đạt kế hoạch đề ra.

Các chỉ tiêu thực hiện cơ bản năm 2022:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2022	Kế hoạch 2022	% thực hiện so với kế hoạch
1	Doanh thu	Tỷ đồng	191,53	184,31	103,92%
2	Nước sản xuất	Triệu m ³	22,17	21,84	101,48%
3	Nước ghi thu	Triệu m ³	18,17	18,15	100,13%
4	Nước không doanh thu	%	18,02	16,92	1,10%
5	Phát triển khách hàng	Hộ	5.746	7.568	75,93%
6	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	(15,38)	(9,56)	
7	Tỷ lệ cố tức năm 2021 dự kiến	%	0 %	0 %	0 %
8	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	315,2	315,2	100 %

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản:

Số liệu về biến động tài sản cố định hữu hình trong kỳ là:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Loại Tài Sản	Nguyên Giá	Đã Khấu hao	Giá trị còn lại
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	121,027	78,842	42,185
2	Máy móc, thiết bị	105,702	59,802	45,900
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	841,255	316,711	524,544
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	0,726	0,719	0,007
5	Tài sản khác	0,260	0,260	0,000
	Tổng Cộng	1.068,970	456,334	612,636

b) Tình hình nợ phải trả:

Trong năm, Công ty cần một nguồn vốn lớn để đầu tư cải tạo, mở rộng mạng lưới cấp nước, chi trả nợ vay và chi phí cho công tác hoạt động SXKD hơn 92 tỷ đồng. Trong đó, chi trả nợ gốc và lãi vay vốn ADB của dự án cấp nước thành phố Buôn Ma Thuột và 03 huyện Ea Kar – Krông Năng – Buôn Đôn 22 tỷ đồng, chi trả vốn vay hạn mức cho các ngân hàng thương mại và quỹ đầu tư phát triển 45 tỷ đồng. Và chi đầu tư cải tạo, mở rộng mạng lưới phát triển khách hàng nhằm khai thác công suất của các nhà máy số tiền hơn 30 tỷ.

Ngoài nguồn doanh thu hàng tháng của Công ty hơn 15 tỷ đồng/tháng, Công ty cũng đã huy động giải ngân hơn 16 tỷ đồng từ nguồn vốn vay hạn mức của Ngân hàng Ngoại thương Đắk Lắk để thanh toán vốn đầu tư mở rộng mạng lưới cấp nước, chi phí thường xuyên như tiền lương, tiền thưởng cho cán bộ công nhân viên và các chi phí khác...

Trước tình hình giá bán nước sạch chưa được điều chỉnh tăng theo đúng lộ trình đã cam kết với Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB), nguồn thu không đảm bảo chi phí, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh không hiệu quả (lỗ); Tuy nhiên, Công ty cũng đã cố

gắng bố trí vốn để thanh toán khoản nợ đến hạn cho Ngân hàng phát triển Châu Á (kỳ 01/12/2021 và kỳ 01/06/2022) với số tiền gần 22 tỷ đồng.

Mặc dù có nhiều khó khăn nhưng dưới sự chỉ đạo điều hành của HĐQT, Ban Tổng giám đốc công ty cũng đã bố trí phân phối nguồn vốn hợp lý kịp thời để đảm bảo nguồn vốn đầu tư mở mạng phát triển khách hàng, trả nợ vay vốn ADB, trả nợ vay vốn từ Quỹ đầu tư phát triển Đắk Lắk, trả nợ cho các nhà cung cấp vật tư thiết bị, thanh toán các chế độ lương, thưởng cho cán bộ công nhân viên đúng hạn kịp thời. Tuy nhiên, do ảnh hưởng điều kiện khách quan của việc điều chỉnh tăng giá nước chưa đúng lộ trình đã được cam kết với ADB để thực hiện dự án Cấp nước thành phố Buôn Ma Thuột và 03 huyện cho nên các chi phí khấu hao, chi phí lãi vay và các chi phí khác liên quan chưa được cơ cấu vào giá thành nước hiện tại, vì vậy Công ty không đảm bảo nguồn thu để trả nợ vay, từ đó dẫn đến hiện nay công ty còn khoản nợ quá hạn của khoản vay ADB kỳ 01/12/2022 với số tiền 801.643,40 USD (tương đương 18,88 tỷ đồng). Khoản nợ này sẽ được cân đối thanh toán cùng các kỳ mới trong năm 2023 sau khi có điều chỉnh tăng giá nước của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy trình, quy định của công ty và các Phòng ban, Chi nhánh cấp nước cho phù hợp với mô hình công ty.
- Sắp xếp, củng cố bộ máy và bổ nhiệm nhân sự lãnh đạo các Phòng ban, Chi nhánh cấp nước.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Phân đấu đạt và vượt các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh của Công ty giao;
- Tiếp tục duy trì tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch đạt 100%;
- Phân đấu hạ tỷ lệ nước thất thoát xuống mức thấp nhất;
- Xây dựng và thực hiện nền tài chính lành mạnh, minh bạch;
- Đảm bảo hài hòa lợi ích của các cổ đông.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có):

Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk xin giải trình ý kiến ngoại trừ của đơn vị kiểm toán BCTC năm 2022 cụ thể như sau:

Ngày 10/3/2023 Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk và Công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Phía Bắc đã tiến hành lập Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính 2022. Trong đó, đơn vị kiểm toán có đưa ra ý kiến ngoại trừ:

Tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 và 31 tháng 12 năm 2022 ở khoản mục chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và xây dựng cơ bản dở dang trên bảng cân đối kế toán còn tồn đọng một số công trình dở dang với tổng giá trị là 2.064.060.569 VND đã phát sinh từ các năm trước và không tiếp tục thực hiện trong năm hiện tại. Công ty chưa tiến hành đánh giá giá trị có thể thu hồi của các công trình này. Với các tài liệu hiện có của Công ty, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về tính chính xác và khả năng thu hồi của khoản mục này cũng như ảnh hưởng (nếu có) đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Đến thời điểm kết thúc năm tài chính, Công ty vẫn chưa được quyết toán chi phí cổ phần hóa và xác định giá trị phân vốn nhà nước để bàn giao sang Công ty cổ phần do

các vấn đề xử lý các tồn tại tài chính còn vướng mắc. Giá trị khoản phải trả Nhà nước về cổ phần hóa đang được ghi nhận ở khoản mục phải trả khác trên bảng cân đối kế toán tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 2.497.465.174 VND. Tùy thuộc vào quyết định của Cơ quan quản lý, các số liệu trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi khi có quyết định chính thức. Các khoản công nợ phải thu, phải trả trên bảng cân đối kế toán tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 chưa được đối chiếu và xác nhận với các đối tượng phải thu, phải trả trong đó: phải thu khách hàng với số tiền là 4.044.469.208 VND, trả trước cho người bán với số tiền là 237.933.000 VND, phải thu khác với số tiền là 1.491.650.727 VND và phải trả người bán với số tiền là 496.904.992 VND. Theo đó chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về tính chính xác, tính hiện hữu và khả năng thu hồi của các số dư này cũng như ảnh hưởng (nếu có) đến các khoản mục trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022. Tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 Công ty đang theo dõi ở khoản mục phải trả khác trên bảng cân đối kế toán khoản vay vốn Chính phủ Nhật Bản theo Quyết định số 882/QĐ-UB ngày 05/04/2002 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc đầu tư dự án Cấp nước Thị trấn Quảng Phú, huyện Cư M'Gar với số tiền là 8.059.727.581 VND. Đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty vẫn chưa xác định được đối tượng cho vay, thời hạn và lãi suất vay.

Các ý kiến nêu trên, Công ty xin giải trình như sau:

Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk chính thức được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Cấp nước và Đầu tư xây dựng Đắk Lắk (100% vốn nhà nước) sang Công ty cổ phần đi vào hoạt động kể từ ngày 01/07/2019. Tuy nhiên cho đến nay vẫn chưa có Quyết định chính thức phê duyệt quyết toán bàn giao vốn và tài sản từ Công ty nhà nước cho Công ty cổ phần, cũng như các chi phí dở dang, chi phí đầu tư XD/CB dở dang, khoản nợ phải thu phải trả mà kiểm toán có ý kiến nêu trên thì Công ty Cổ phần không đảm bảo cơ sở hồ sơ pháp lý để tiếp nhận. Về phía Công ty Cổ phần cũng đã nhiều lần có văn bản gửi UBND tỉnh Đắk Lắk xem xét quyết toán bàn giao vốn và tài sản cho Công ty Cổ phần, đồng thời kiến nghị xử lý các khoản chi phí, khoản nợ phải thu...mà ý kiểm toán đã nêu.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

- Công ty sản xuất nước luôn tuân thủ và đáp ứng các tiêu chí của Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
- Đảm bảo chế độ cho người lao động về công việc cũng như giúp đỡ, thăm hỏi trong cuộc sống.
- Ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty luôn tích cực tham gia đóng góp hỗ trợ cho cộng đồng, địa phương như: giảm giá tiền nước do dịch Covid, hỗ trợ các Buôn làng,...

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2022, Công ty thực hiện tái cơ cấu tổ chức và nhân sự đảm bảo tinh gọn bộ máy nhân sự phù hợp với quy mô và nhu cầu nhân lực. Hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 thu lỗ nặng, không hiệu quả và gặp nhiều khó khăn về mặt tài chính do giá nước mới chưa được phê duyệt trong khi lãi suất vay vốn ADB tăng từ 0.69%/năm lên 3.1%/năm (tăng 4.5 lần); Đồng thời, biến động tăng tỷ giá đồng USD lên cao dẫn tới Công ty không đủ khả năng trả nợ vay ADB và phát sinh quá hạn, chịu lãi suất quá hạn là 150% lãi suất cho vay và các phí phạt phát sinh khác.

Bên cạnh đó, Công ty vẫn đạt được một số kết quả khả quan. Sau khi tình hình dịch bệnh covid đã ổn định, các hoạt động kinh doanh, buôn bán trên địa bàn tỉnh dần khôi phục, góp phần cải thiện tình hình sản xuất kinh doanh tại Công ty so với năm 2021 và cơ bản hoàn thành một số chỉ tiêu kế hoạch năm 2022 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Cụ thể:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2022	Kế hoạch 2022	% thực hiện so với kế hoạch
1	Doanh thu	Tỷ đồng	191,53	184,31	103,92%
2	Nước sản xuất	Triệu m ³	22,17	21,84	101,48%
3	Nước ghi thu	Triệu m ³	18,17	18,15	100,13%
4	Nước không doanh thu	%	18,02	16,92	1,10%
5	Phát triển khách hàng	Hộ	5.746	7.568	75,93%
6	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	(15,38)	(9,56)	
7	Tỷ lệ cổ tức năm 2021 dự kiến	%	0 %	0 %	0 %
8	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	315,2	315,2	100 %

Lợi nhuận năm 2022 lỗ 15,38 tỷ đồng cao hơn so với kế hoạch năm 2022 gần 6 tỷ đồng nguyên nhân chính là do tăng lãi suất cho vay, phát sinh lãi, phí phạt quá hạn, chênh lệch tăng tỷ giá USD của món vay ADB.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động công ty và những quy chế, quy định đã ban hành, HĐQT thực hiện chức năng giám sát bộ máy quản lý và điều hành Công ty một cách thường xuyên, liên tục thông qua những công cụ giám sát, kiểm tra thực hiện nhiệm vụ SXKD, các mẫu biểu, văn bản báo cáo của Ban tổng giám đốc và cán bộ quản lý các phòng nghiệp vụ chuyên môn như sau:

+ Trong năm 2022, Ban điều hành đã thực hiện triển khai đúng và đầy đủ các Nghị quyết của HĐQT và đạt được những kết quả nhất định.

+ Ban điều hành đã có nhiều cố gắng, đoàn kết và hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.

- Hội đồng quản trị tin tưởng với các giải pháp linh hoạt trong công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc, sự đồng lòng của cán bộ, công nhân viên, người lao động, Công ty sẽ đạt được các chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông tin tưởng giao phó, từng bước khắc phục các trở ngại trong bối cảnh còn nhiều khó khăn phía trước.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Năm 2023, Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục hoàn thiện các quy chế, quy trình, nâng cao vai trò từng thành viên Hội đồng quản trị để kịp thời phối hợp và xử lý xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo công tác quản trị và tối đa lợi ích của cổ đông.

- Hội đồng quản trị cam kết hoạt động tích cực trên tinh thần trách nhiệm cao nhằm đạt hiệu quả cao nhất cho Công ty và gia tăng giá trị cho các cổ đông. Ngoài những nhiệm vụ được giao theo các quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị xây dựng kế hoạch năm 2023 như sau.

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2022	Kế hoạch 2023	% KH2023 / TH 2022
1	Nước sản xuất	triệu m ³	22,17	23,02	103,86%
2	Nước ghi thu	triệu m ³	18,17	19,02	104,66%
3	Nước không doanh thu	%	18,02	17,39	-0,63%
4	Doanh thu	Tỷ đồng	191,53	222,73	116,29%
4.1.	<i>Doanh thu tiền nước</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>166,67</i>	<i>200,73</i>	<i>120,44%</i>
4.2.	<i>Doanh thu xây lắp</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>12,35</i>	<i>10,51</i>	<i>85,10%</i>
4.3.	<i>Doanh thu khác</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>12,51</i>	<i>11,48</i>	<i>91,77%</i>
5	Phát triển khách hàng	Hộ	5.746	6.130	106,68%
6	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	(15,38)	(10,91)	
7	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	315,2	315,2	100%

Các hành động cụ thể:

- HĐQT tiếp tục chỉ đạo đẩy mạnh khai thác để phát huy hiệu quả của dự án, đẩy nhanh tiến độ khôi phục khách hàng cũ, chuyển dịch tỷ lệ sử dụng nước sạch của các nhà hàng, khách sạn chiếm tỷ trọng lớn hơn.

- Đầu tư mở rộng mạng lưới cấp nước và lắp đặt hệ thống cung cấp nước sạch, dự kiến xin phép nâng công suất khai thác các nguồn hiện hữu, đầu tư xây dựng thêm nhà máy tại một số chi nhánh, đảm bảo tầm xa 10-15 năm và bám sát quy hoạch, định hướng phát triển đô thị của địa phương.

- Giao Ban điều hành xây dựng các phương án chống thất thoát hiệu quả. Thực hiện cải tạo, nâng cấp và thay mới hệ thống nước đã xuống cấp, hư hỏng.

- Tập trung và đẩy nhanh tiến độ thực hiện tăng giá nước, để tăng hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh và có dòng tiền chi trả vốn vay ADB và nguồn vốn đầu tư phát triển.

- Thực hiện khảo sát và đầu tư hệ thống công nghệ tự động hóa đồng bộ hoạt động sản xuất nước.

- Tận dụng nguồn lực và tiềm năng hiện hữu sẵn có của Công ty, thực hiện xây dựng nhà máy nước tinh khiết mở rộng việc làm và doanh thu cho Công ty.

- Ngoài ra, nhằm tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp, năm 2023 thực hiện theo Nghị quyết của ĐHCĐ, HĐQT sẽ từng bước hoàn thiện các quy chế, quy trình, giám sát công tác điều hành của Ban điều hành để kịp thời phối hợp và xử lý các vấn đề

phát sinh trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo tối đa lợi ích của cổ đông.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Đỗ Hoàng Phúc	Chủ tịch HĐQT	Ngày bắt đầu: 24/06/2019	
2	Ông Ngô Đức Vũ	Chủ tịch HĐQT	Ngày bắt đầu: 24/06/2019	Ngày miễn nhiệm 04/01/2022
3	Ông Lê Tuấn	Thành viên HĐQT	Ngày bắt đầu: 24/06/2019	Ngày miễn nhiệm 04/01/2022
4	Ông Đỗ Hoàng Phương	Phó chủ tịch HĐQT	Ngày bắt đầu: 18/02/2022	
5	Bà Phạm Thị Linh	Thành viên HĐQT	Ngày bắt đầu: 18/02/2022	
6	Ông Nguyễn Khắc Dân	Thành viên HĐQT – Tổng giám đốc	Ngày bắt đầu: 24/06/2019	
7	Ông Nguyễn Công Định	Thành viên HĐQT – Phó Tổng giám đốc	Ngày bắt đầu: 24/06/2019	

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị công ty hoạt động theo nguyên tắc tập thể, tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ tổ chức hoạt động công ty.

- Trong năm 2022, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk đã tiến hành các cuộc họp lấy ý kiến thành viên HĐQT và ban hành 30 Nghị quyết, cụ thể như sau:

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/2022/NQ-HĐQT	04/01/2022	Nghị quyết về việc thông qua miễn nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị đối với ông Ngô Đức Vũ	100%
2	02/2022/NQ-HĐQT	04/01/2022	Nghị quyết về việc bầu ông Đỗ Hoàng Phúc giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị.	100%

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
3	03/2022/NQ-HĐQT	04/01/2022	Nghị quyết về việc thông qua việc thay đổi Người đại diện theo Pháp luật của Công ty cổ phần Cấp nước Đắk Lắk.	100%
4	04/2022/NQ-HĐQT	04/01/2022	Nghị quyết về việc chấp thuận đơn từ nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát.	100%
5	05/2022/NQ-HĐQT	04/01/2022	Nghị quyết về việc thông qua việc triệu tập cuộc họp Đại hội cổ đông bất thường năm 2022 của Công ty cổ phần Cấp nước Đắk Lắk.	100%
6	06/2022/NQ-HĐQT	06/01/2022	Nghị quyết về việc bổ nhiệm bà Hoàng Thị Thu Hà giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc.	100%
7	07/2022/NQ-HĐQT	06/01/2022	Nghị quyết về việc phân công giao nhiệm vụ Ban Tổng giám đốc Công ty cổ phần Cấp nước Đắk Lắk.	100%
8	08/2022/NQ-HĐQT	05/01/2022	Nghị quyết về việc thông qua các nội quy – quy chế và một số nội dung khác.	100%
9	09/2022/NQ-HĐQT	20/01/2022	Nghị quyết về việc thông qua kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ bất thường năm 2022; trình ĐHĐCĐ bất thường năm 2022 thông qua miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT, BKS và Sửa Điều lệ Công ty cổ phần Cấp nước Đắk Lắk.	100%
10	13/2022/NQ-HĐQT	18/02/2022	Nghị quyết về việc thông qua việc vay vốn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đắk Lắk.	100%
11	16/2022/NQ-HĐQT	18/02/2022	Nghị quyết về việc thông qua các nội quy – quy chế và một số nội dung khác.	100%
12	18a/2022/NQ-HĐQT	28/02/2022	Nghị quyết về việc thông qua ký Hợp đồng thuê xe cầu số 1108/2022/HĐKT	100%

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
13	18b/2022/NQ-HĐQT	28/02/2022	Nghị quyết về việc thông qua quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc	100%
14	18/2022/NQ-HĐQT	08/3/2022	Nghị quyết về việc thông qua một số nội dung trong cuộc họp Hội đồng quản trị ngày 08/3/2022.	100%
15	20/2022/NQ-HĐQT	09/3/2022	Nghị quyết về việc thông qua việc vay vốn tại Quỹ Đầu tư và phát triển Đắk Lắk.	100%
16	22/2022/NQ-HĐQT	23/3/2022	Nghị quyết về việc thông qua Quy chế Quản lý và sử dụng các khoản chi phí có tính phức lợi.	100%
17	23/2022/NQ-HĐQT	23/3/2022	Nghị quyết về việc thông qua công tác nhân sự và bổ nhiệm mới Giám đốc Chi nhánh cấp nước Cư Mgar.	100%
18	25/2022/NQ-HĐQT	30/3/2022	Nghị quyết về việc thông qua tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.	100%
19	27/2022/NQ-HĐQT	07/4/2022	Nghị quyết về việc thông qua bổ nhiệm Giám đốc Chi nhánh cấp nước Ea Kar và miễn nhiệm Phó Giám đốc chi nhánh cấp nước Ea Súp.	100%
20	31/2022/NQ-HĐQT	27/4/2022	Nghị quyết về việc thông qua báo cáo kế quả Hoạt động SXKD quý I/2022, kế hoạch quý II/2022 và một số nội dung khác.	100%
21	33/2022/NQ-HĐQT	24/6/2022	Nghị quyết về việc thông qua và ban hành Quy chế Lương khoán và Thưởng.	100%
22	35/2022/NQ-HĐQT	15/07/2022	Nghị quyết về việc thông qua Người phụ trách quản trị Công ty	100%
23	37/2022/NQ-HĐQT	27/07/2022	Nghị quyết về việc thông qua chủ trương xây dựng trụ sở làm việc chi nhánh Cấp nước Buôn Ma Thuột	100%

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
24	39/2022/NQ-HĐQT	11/08/2022	Nghị quyết về việc thông qua phương án nhân sự tại Công ty	100%
25	40/2022/NQ-HĐQT	12/08/2022	Nghị quyết về việc thông qua chủ trương đầu tư dự án trung tâm điều khiển SXN tự động và dự án Nhà máy SXN tinh khiết, nước ion kiềm đóng chai	100%
26	42/2022/NQ-HĐQT	12/08/2022	Nghị quyết về việc thông qua báo cáo kết quả HĐSXKD Quý III/2022, 06 tháng đầu năm 2022 và KH quý III/2022	100%
27	44/2022/NQ-HĐQT	26/10/2022	Nghị quyết về việc thông qua điều chỉnh, bổ sung quy chế lương khoán và thưởng	100%
28	46/2022/NQ-HĐQT	23/11/2022	Nghị quyết về việc thông qua báo cáo hoạt động SXKD Quý III, 9 tháng đầu năm 2022 và kế hoạch Quý IV/2022	100%
29	47/2022/NQ-HĐQT	23/11/2022	Nghị quyết về việc thông qua phân công, điều chỉnh nhiệm vụ của Ban Tổng giám đốc	100%
30	48/2022/NQ-HĐQT	23/11/2022	Nghị quyết về việc thông qua phương án bồi thường thiệt hại và phương án xử lý khắc phục đối với sự cố truyền tải PVC D315-CN Buôn Hồ	100%

Trong năm 2022, Hội đồng quản trị thực hiện nghiêm túc các công tác quản trị doanh nghiệp, chiến lược về nhân sự...theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần cấp nước Đắk Lắk.

Hội đồng quản trị duy trì họp theo quy định mỗi quý ít nhất họp một lần để xem xét quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị với sự tham gia của Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám Đốc Công ty.

Hội đồng quản trị đã phân công nhiệm vụ cụ thể đến các thành viên, tăng cường vai trò tham mưu của các Cán bộ quản lý. Các Thành viên Hội đồng quản trị cũng đã có nhiều cố gắng hoàn thành chức trách của mình, hành động vì lợi ích của cổ đông trong mối quan hệ hài hòa với lợi ích của Công ty và Người lao động.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị

công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

2. Ban Kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	Trình độ chuyên môn
1	Bà Lê Đặng Uyên Đan	Trưởng Ban kiểm soát	Ngày bắt đầu: 18/02/2022	Cử nhân Luật
2	Bà Hoàng Thị Thu Hà	Trưởng Ban kiểm soát	Ngày miễn nhiệm: 04/01/2022	Thạc sĩ Kinh tế
3	Bà Phan Thùy Giang	Kiểm soát viên	Ngày miễn nhiệm: 04/01/2022	Thạc sĩ Kinh tế
4	Bà Hà Thị Thu Huyền	Kiểm soát viên	Ngày bắt đầu: 18/02/2022	Cử nhân Quản trị kinh doanh
5	Bà Lê Thị Mai Ngọc	Kiểm soát viên	Ngày bắt đầu: 24/06/2019	Cử nhân Kinh tế

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2022, Ban Kiểm soát đã triển khai hoạt động giám sát theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Ban kiểm soát không phát hiện gian lận trong hoạt động điều hành của Hội đồng Quản trị và Ban điều hành cũng như trưởng các phòng ban của Công ty.

Các cuộc họp của HĐQT và Ban điều hành được tổ chức theo đúng quy định (Đối với cuộc họp HĐQT đảm bảo tối thiểu họp 01 lần/Quý, tổng cộng HĐQT đã tổ chức 20 cuộc họp). Các Nghị quyết được ban hành trên cơ sở tuân thủ đúng quy định pháp luật, đảm bảo lợi ích tối đa cho Công ty và các Cổ đông.

Kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát như sau:

- Báo cáo đánh giá về hợp đồng, giao dịch của công ty với những người có liên quan: Trong năm 2022, Hội Đồng Quản Trị đã thông qua chấp thuận việc ký kết hợp đồng thuê xe số 1108/2022/HĐKT/NP-ĐL của CTCP cấp nước Đắc Lắc với Công ty TNHH Đầu tư và TM Nam Phương (Công ty thuộc sở hữu của cổ đông lớn là bà Phạm Thị Linh - đồng thời là vợ ông Đỗ Hoàng Phúc chủ tịch HĐQT). Tổng giá trị hợp đồng là 720.000.000 đồng (Chưa bao gồm thuế GTGT) và giá trị này nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của công ty ghi trong báo cáo tài chính năm 2021. Việc chấp thuận hợp đồng này đã tuân thủ đúng theo quy định tại Khoản 2 Điều 167 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 về thẩm quyền phê duyệt việc giao kết hợp đồng giữa công ty với người có liên quan.

Ngoài ra, trong năm 2022 công ty không có phát sinh giao dịch nào khác giữa công ty với thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và những người liên quan của họ; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT, Tổng giám đốc (Giám đốc), người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

- *Giám sát tình hình hoạt động và tài chính của công ty:* Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty được kiểm toán bởi CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM – CHI NHÁNH PHÍA BẮC; Báo cáo tài chính được đơn vị kiểm toán xác nhận đã phản ánh trung thực và hợp lý trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần cấp nước Đăk Lăk tại thời điểm 31/12/2022, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Các chỉ tiêu cơ bản theo Báo cáo tài chính kiểm toán như sau:

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Từ 01/01/2022 đến 31/12/2022
1	Tổng doanh thu	189.597.809.618
2	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(15.376.429.516)
3	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(15.376.429.516)
4	Tài sản ngắn hạn	195.253.072.954
5	Tài sản dài hạn	653.261.822.671
6	Nợ phải trả	551.929.790.061
7	Vốn chủ sở hữu	296.585.105.564

Qua công tác kiểm tra, kiểm soát hoạt động của Công ty năm 2022, BKS có kết luận như sau:

- Về cơ bản Công ty và các thành viên HĐQT, BKS, BTGD, KTT của Công ty đã tuân thủ các quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ của Công ty. Năm 2022, không xảy ra vi phạm ảnh hưởng đến quyền lợi của các cổ đông, BKS không nhận được yêu cầu kiểm tra vi phạm hay các yêu cầu khác từ cổ đông.

- Về tình hình tài chính công ty, đơn vị kiểm toán BCTC năm 2022 đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ về công nợ phải thu, phải trả chưa đối chiếu và chi phí cổ phần hóa chưa được quyết toán, chưa được xác định giá trị phần vốn nhà nước để bàn giao sang công ty cổ phần. Dẫn đến 03 năm liên tiếp Báo cáo tài chính công ty đã bị đơn vị kiểm toán đưa ra ý kiến ngoại trừ. Vì vậy, kính đề nghị Ban lãnh đạo chỉ đạo phòng ban chuyên môn đẩy nhanh hoàn thiện công tác quyết toán bàn giao từ Công ty TNHH MTV sang Công ty cổ phần và xử lý các vấn đề tài chính còn tồn đọng tại công ty.

- Công ty đảm bảo tuân thủ đúng quy định của Luật chứng khoán số 54/2019/QH14, Thông tư số 96/2020/TT – BTC và các văn bản liên quan khác về thực hiện việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán Việt Nam đối với loại hình công ty đại chúng.

- Công ty đảm bảo về tình hình đời sống, việc làm và các chế độ phúc lợi cho người lao động như các chế độ lương, BHXH, khám sức khỏe định kỳ, trang bị bảo hộ lao động...đầy đủ theo đúng quy định pháp luật, quy chế nội quy của công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

STT	Đối tượng	Kế hoạch thù lao 2022	Thực chi thù lao 2022	Ghi chú
1	Chủ tịch HĐQT	400.000.000	375.342.307	
2	Phó Chủ tịch HĐQT	250.000.000	100.000.000	
3	Các thành viên HĐQT	80.000.000	0	
4	Ban Kiểm soát	120.000.000	21.000.000	
	Tổng cộng	850.000.000	496.342.307	

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: Không có

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: Không có

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Công ty thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về quản trị công ty

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán:

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	6 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 – 34

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK

Số 339 đường Tôn Đức Thắng, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk tiền thân là Công ty TNHH MTV Cấp nước và Đầu tư xây dựng Đắk Lắk được cổ phần hóa theo quyết định 3514/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2018 của UBND tỉnh Đắk Lắk. Công ty hoạt động theo cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6000175995 đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 6 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp.

Ngày 27 tháng 6 năm 2019, Công ty nhận Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 5 phê duyệt việc chuyển đổi thành công ty cổ phần.

Vốn điều lệ của Công ty là 315.200.000.000 VND (Ba trăm mười lăm tỷ hai trăm triệu đồng).

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 339 đường Tôn Đức Thắng, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

2. Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Đỗ Hoàng Phúc	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 04/01/2022
Ông Đỗ Hoàng Phúc	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 04/01/2022
Ông Ngô Đức Vũ	Chủ tịch HĐQT	Miễn nhiệm ngày 04/01/2022
Ông Lê Tuấn	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 18/02/2022
Ông Nguyễn Công Định	Thành viên	
Ông Nguyễn Khắc Dân	Thành viên	
Bà Phạm Thị Linh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18/02/2022
Ông Đỗ Hoàng Phương	Phó Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 18/02/2022

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Khắc Dân	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Hùng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Công Định	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Hoàng Thị Thu Hà	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 06/01/2022
Ông Trần Quốc Độ	Kế toán trưởng	

Ban Kiểm soát

Bà Lê Đặng Nguyên Đan	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 18/02/2022
Bà Hoàng Thị Thu Hà	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 04/01/2022
Bà Phan Thùy Giang	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 04/01/2022
Bà Lê Thị Mai Ngọc	Thành viên	
Bà Hà Thị Thu Huyền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18/02/2022

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Đỗ Hoàng Phúc - Chủ tịch Hội đồng quản trị (sinh ngày 03/7/1957; dân tộc Kinh, quốc tịch Việt Nam; căn cước công dân số 037057001333 do Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 20/11/2017; địa chỉ thường trú: số 12 đường Trịnh Tú, phố Kim Đa, đường Ninh Khánh, Thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình, Việt Nam).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK

Số 339 đường Tôn Đức Thắng, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và tình hình tài chính vào cùng kỳ này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh phía Bắc được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty.

6. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị đối với Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Hội đồng quản trị phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Hội đồng quản trị cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

7. Cam kết về công bố thông tin

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK

Số 339 đường Tôn Đức Thắng, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

8. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



Đỗ Hoàng Phúc

Đỗ Hoàng Phúc
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Đắk Lắk, Việt Nam
Ngày 10 tháng 03 năm 2023



Số: 039/2023/BCKT-PB.00463

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 10 tháng 03 năm 2023, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 và 31 tháng 12 năm 2022 ở khoản mục chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và xây dựng cơ bản dở dang trên bảng cân đối kế toán còn tồn đọng một số công trình dở dang với tổng giá trị là 2.064.060.569 VND đã phát sinh từ các năm trước và không tiếp tục thực hiện trong năm hiện tại. Công ty chưa tiến hành đánh giá giá trị có thể thu hồi của các công trình này. Với các tài liệu hiện có của Công ty, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về tính chính xác và khả năng thu hồi của khoản mục này cũng như ảnh hưởng (nếu có) đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Đến thời điểm kết thúc năm tài chính, Công ty vẫn chưa được quyết toán chi phí cổ phần hóa và xác định giá trị phần vốn nhà nước để bàn giao sang Công ty cổ phần do các vấn đề xử lý các tồn tại tài chính còn vướng mắc. Giá trị khoản phải trả Nhà nước về cổ phần hóa đang được ghi nhận ở khoản mục phải trả khác trên bảng cân đối kế toán tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 2.497.465.174 VND. Tùy thuộc vào quyết định của Cơ quan quản lý, các số liệu trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi khi có quyết định chính thức.

Các khoản công nợ phải thu, phải trả trên bảng cân đối kế toán tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 chưa được đối chiếu và xác nhận với các đối tượng phải thu, phải trả trong đó: phải thu khách hàng với số tiền là 4.044.469.208 VND, trả trước cho người bán với số tiền là 237.933.000 VND, phải thu khác với số tiền là 1.491.650.727 VND và phải trả người bán với số tiền là 496.904.992 VND. Theo đó chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về tính chính xác, tính hiện hữu và khả năng thu hồi của các số dư này cũng như ảnh hưởng (nếu có) đến các khoản mục trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 Công ty đang theo dõi ở khoản mục phải trả khác trên bảng cân đối kế toán khoản vay vốn Chính phủ Nhật Bản theo Quyết định số 882/QĐ-UB ngày 05/04/2002 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc đầu tư dự án Cấp nước Thị trấn Quảng Phú, huyện Cư M'Gar với số tiền là 8.059.727.581 VND. Đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty vẫn chưa xác định được đối tượng cho vay, thời hạn và lãi suất vay.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty được kiểm toán bởi một đơn vị kiểm toán khác và kiểm toán viên tiền nhiệm đã đưa ý kiến kiểm toán ngoại trừ về công nợ phải thu, phải trả chưa đối chiếu và chi phí cổ phần hóa chưa quyết toán đối với báo cáo này.



ONG THẾ ĐỨC

Giám đốc

Giấy CN ĐKHN kiểm toán

Số: 0855 - 2023 - 009 - 1

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM -
CHI NHÁNH PHÍA BẮC**

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 10 tháng 03 năm 2023

ĐẶNG NGỌC KHÁNH

Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN kiểm toán

Số: 2505 - 2019 - 009 - 1

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK

Số 339 đường Tôn Đức Thắng, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B01 - DN

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
A/ TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		115.865.387.483	136.224.028.185
I/ Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	2.213.832.510	11.621.418.937
1. Tiền	111		2.213.832.510	11.621.418.937
II/ Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		14.500.000.000	511.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	14.500.000.000	511.000.000
III/ Các khoản phải thu ngắn hạn	130		35.393.357.800	99.310.408.527
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	10.316.378.219	9.461.739.478
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	3.114.653.637	819.995.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	26.325.887.039	90.678.666.878
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.8	(4.363.561.095)	(1.649.992.829)
IV/ Hàng tồn kho	140	5.6	21.688.542.436	24.642.894.883
1. Hàng tồn kho	141		21.688.542.436	24.642.894.883
V/ Tài sản ngắn hạn khác	150		42.069.654.737	138.305.838
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	28.893.288	138.305.838
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		42.040.761.449	-
B/ TÀI SẢN DÀI HẠN	200		653.261.822.671	691.634.568.615
I/ Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II/ Tài sản cố định	220		616.436.499.073	656.927.824.192
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	612.636.640.283	652.455.861.522
- Nguyên giá	222		1.068.970.972.291	1.029.675.619.151
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(456.334.332.008)	(377.219.757.629)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	3.799.858.790	4.471.962.670
- Nguyên giá	228		6.276.734.545	6.118.264.545
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.476.875.755)	(1.646.301.875)
III/ Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV/ Tài sản dở dang dài hạn	240		10.453.981.797	9.255.531.338
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.11	10.453.981.797	9.255.531.338
V/ Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI/ Tài sản dài hạn khác	260		26.371.341.801	25.451.213.085
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	26.371.341.801	25.451.213.085
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		769.127.210.154	827.858.596.800

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK

Số 339 đường Tôn Đức Thắng, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B01 - DN

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
C/ NỢ PHẢI TRẢ	300		472.542.104.590	515.897.061.720
I/ Nợ ngắn hạn	310		91.395.933.066	114.266.728.533
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	12.593.652.672	16.020.326.621
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	102.979.547	788.940.291
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	1.605.435.146	1.820.940.628
4. Phải trả người lao động	314		7.844.126.621	9.290.095.652
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	2.093.392.420	2.614.944.439
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	17.318.885.737	17.942.765.673
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	46.189.271.779	62.140.526.085
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		3.648.189.144	3.648.189.144
II/ Nợ dài hạn	330		381.146.171.524	401.630.333.187
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.16	1.155.026.003	934.526.003
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.17	379.991.145.521	400.695.807.184
D/ VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		296.585.105.564	311.961.535.080
I/ Vốn chủ sở hữu	410	5.18	296.585.105.564	311.961.535.080
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		315.200.000.000	315.200.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		315.200.000.000	315.200.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(18.614.894.436)	(3.238.464.920)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(3.238.464.920)	(3.915.306.932)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(15.376.429.516)	676.842.012
II/ Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		769.127.210.154	827.858.596.800



Đỗ Hoàng Phúc
Chủ tịch Hội đồng quản trị
 Đắk Lắk, Việt Nam
 Ngày 10 tháng 03 năm 2023

Trần Quốc Độ
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Hiền
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK

Số 339 đường Tôn Đức Thắng, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B02 - DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	189.597.809.618	179.014.188.314
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		62.869.945	90.840.504
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		189.534.939.673	178.923.347.810
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	111.925.805.619	115.615.783.038
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		77.609.134.054	63.307.564.772
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.388.954.616	3.179.682.185
7. Chi phí tài chính	22	6.4	26.227.794.578	3.526.628.819
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		12.064.353.556	3.526.628.819
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	41.659.817.092	41.984.011.137
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	26.355.658.099	20.903.298.442
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(15.245.181.099)	73.308.559
11. Thu nhập khác	31	6.7	610.660.385	820.330.090
12. Chi phí khác	32	6.8	741.908.802	216.796.637
13. Lợi nhuận khác	40		(131.248.417)	603.533.453
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(15.376.429.516)	676.842.012
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(15.376.429.516)	676.842.012
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	(488)	21
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.11	(488)	21



Đỗ Hoàng Phúc
 Chủ tịch Hội đồng quản trị
 Đắk Lắk, Việt Nam
 Ngày 10 tháng 03 năm 2023

Trần Quốc Độ
 Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Hiền
 Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK

Số 339 đường Tôn Đức Thắng, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B03 - DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(15.376.429.516)	676.842.012
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	79.945.148.259	69.036.464.946
- Các khoản dự phòng	03	2.713.568.266	1.649.992.829
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	5.398.559.233	(2.694.425.843)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.388.954.616)	(485.256.342)
- Chi phí lãi vay	06	12.064.353.556	3.526.628.819
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	83.356.245.182	71.710.246.421
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	19.162.721.012	32.833.567.563
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	2.954.352.447	(1.160.256.889)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(3.285.660.003)	(3.124.463.049)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(810.716.166)	(6.057.516.721)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(13.145.040.592)	(2.045.366.744)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh	20	88.231.901.880	92.156.210.581
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(34.220.085.932)	(140.038.765.452)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(43.000.000.000)	(23.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	29.011.000.000	25.842.630.856
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được	27	1.388.954.616	485.256.342
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(46.820.131.316)	(136.710.878.254)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	16.360.399.435	100.216.890.984
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(67.179.756.426)	(51.017.954.272)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(50.819.356.991)	49.198.936.712
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(9.407.586.427)	4.644.269.039
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	11.621.418.937	6.977.149.898
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	2.213.832.510	11.621.418.937



Đỗ Hoàng Phúc
Chủ tịch Hội đồng quản trị
 Đắk Lắk, Việt Nam
 Ngày 10 tháng 03 năm 2023

Trần Quốc Độ
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Hiền
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK

Số 339 đường Tôn Đức Thắng, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09 - DN

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk tiền thân là Công ty TNHH MTV Cấp nước và Đầu tư xây dựng Đắk Lắk được cổ phần hóa theo quyết định 3514/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2018 của UBND tỉnh Đắk Lắk. Công ty hoạt động theo cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6000175995 đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 6 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp.

Ngày 27 tháng 6 năm 2019, Công ty nhận Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 5 phê duyệt việc chuyển đổi thành công ty cổ phần.

Vốn điều lệ của Công ty là 315.200.000.000 VND (Ba trăm mười lăm tỷ hai trăm triệu đồng).

Tổng số cổ phần: 31.520.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 VND/cổ phần.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 339 đường Tôn Đức Thắng, P. Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và cung cấp nước.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 6000175995 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác./.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, không có hoạt động nào có ảnh hưởng đáng kể đến các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính của Công ty.

1.6 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tổng số nhân viên của Công ty là 325 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 396 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**2.1 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK

Số 339 đường Tôn Đức Thắng, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09 - DN

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp; Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các Thông tư hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK

Số 339 đường Tôn Đức Thắng, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09 - DN

bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước ngắn hạn là các chi phí phân bổ trong thời hạn 12 tháng bao gồm cả các chi phí hoạt động chờ phân bổ tương ứng doanh thu trong năm 2022.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK

Số 339 đường Tôn Đức Thắng, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09 - DN

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí bảo trì, bảo dưỡng

Chi phí bảo trì bảo dưỡng được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

Chi phí thuê bao đồng hồ

Chi phí thuê bao đồng hồ được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo chu kỳ kiểm định là 5 năm.

4.8 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 - 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 10

4.9 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Phần mềm

Giá trị của các phần mềm máy tính không phải là bộ phận đi kèm với phần cứng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

Quyền khai thác nước ngầm

Quyền khai thác nước ngầm được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3-20 năm theo thời hạn được cấp quyền.

4.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý

cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.11 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Chi phí phải trả gồm các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.12 Vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

Các khoản vay có thời hạn trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

4.13 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông/thành viên/chủ sở hữu.

4.14 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và có thông báo chi trả cổ tức.

4.15 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.16 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay dài hạn trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng cơ bản thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn vay bình quân cho hoạt động chăm sóc vườn cây cao su kiến thiết và vốn vay bình quân chăm sóc cho vườn cây cao su khai thác.

4.17 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty áp dụng thuế suất 10% trên thu nhập chịu thuế đối với thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất và kinh doanh nước sạch – hoạt động xã hội hóa trong lĩnh vực môi trường theo Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/3/2013 và Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008. Công ty áp dụng thuế suất 20% đối với các hoạt động kinh doanh khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK

Số 339 đường Tôn Đức Thắng, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09 - DN

4.18 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	65.075.832	61.075.194
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.148.756.678	11.560.343.743
<i>Tiền gửi VND</i>	<i>2.148.756.678</i>	<i>11.560.343.743</i>
Cộng	<u>2.213.832.510</u>	<u>11.621.418.937</u>

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	<u>31/12/2022</u>		<u>01/01/2022</u>	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	14.500.000.000	14.500.000.000	511.000.000	511.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	14.500.000.000	14.500.000.000	511.000.000	511.000.000
Cộng	<u>14.500.000.000</u>	<u>14.500.000.000</u>	<u>511.000.000</u>	<u>511.000.000</u>

- (i) Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng đến 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đắk Lắk và Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội, lãi suất từ 4,6 - 6,8%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK

Số 339 đường Tôn Đức Thắng, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09 - DN

5.3 Phải thu ngắn hạn khách hàng

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các bên liên quan	-	-	-	-
Phải thu các khách hàng khác	10.316.378.219	(2.876.020.996)	9.461.739.478	(162.452.730)
Khách hàng sử dụng nước sạch	2.911.782.595	(952.623.096)	3.061.995.616	(162.452.730)
Khách hàng sử dụng dịch vụ khác	7.404.595.624	(1.923.397.900)	6.399.743.862	-
Cộng	10.316.378.219	(2.876.020.996)	9.461.739.478	(162.452.730)

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Trả trước các bên liên quan	-	-	-	-
Trả trước các khách hàng khác	3.114.653.637	-	819.995.000	-
Công ty Cổ phần Thiết bị CN và công nghệ môi trường Dea Han	1.188.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Phần mềm BRAVO	220.470.000	-	-	-
Công ty TNHH Cung cấp TB điện và XDCN Việt Nam	928.750.137	-	-	-
Công ty TNHH Gia Thành	-	-	550.000.000	-
Các đối tượng khác	777.433.500	-	269.995.000	-
Cộng	3.114.653.637	-	819.995.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK

Số 339 đường Tôn Đức Thắng, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09 - DN**5.5 Phải thu khác ngắn hạn**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ban QLDA Cấp nước tỉnh Đắk Lắk (i)	21.892.355.018	-	86.878.528.978	-
Phải thu CBCNV	2.689.355.979	(1.487.540.099)	1.667.601.086	(1.487.540.099)
Phải thu khác	1.744.176.042	-	2.132.536.814	-
Cộng	26.325.887.039	(1.487.540.099)	90.678.666.878	(1.487.540.099)

(i): Phản ánh khoản tiền vay giải ngân cho Ban quản lý dự án cấp nước tỉnh Đắk Lắk (Ban QLDA) để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình cấp nước Thành phố Buôn Ma Thuột và 3 thị trấn: thị trấn Ea Kar, thị trấn Krông Năng và thị trấn Buôn Đôn tỉnh Đắk Lắk theo Hiệp định vay số 2961 ngày 4/5/2013 ký giữa Nước CHXHCN Việt Nam và Ngân hàng Phát triển Châu Á, theo hợp đồng vay phụ số LOAN NO.2916-VIE vay vốn OCR của ADB ngày 17/4/2014 giữa Bộ Tài chính và Công ty TNHH MTV Cấp nước và Đầu tư xây dựng Đắk Lắk và hợp đồng vay số 25/2018/HĐTD ngày 20/12/2018 ký giữa Công ty và Quỹ Đầu tư phát triển Đắk Lắk (xem thuyết minh số 5.17).

Ban QLDA được thành lập theo Quyết định số 866/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đắk Lắk ngày 9/5/2013 để thực hiện Dự án nói trên, có con dấu riêng, tài khoản riêng và hạch toán độc lập với Công ty. Khi có các hạng mục công trình thuộc dự án hoàn thành đưa vào sử dụng, Công ty sẽ nhận bàn giao từ Ban QLDA và ghi tăng tài sản cố định, thuế GTGT được khấu trừ, đồng thời ghi giảm các khoản phải thu khác với số tiền tương ứng.

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	19.511.825.707	-	21.361.555.769	-
Công cụ, dụng cụ	81.614.640	-	106.478.340	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.095.102.089	-	3.163.902.904	-
Hàng hoá	-	-	10.957.870	-
Cộng	21.688.542.436	-	24.642.894.883	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK

Số 339 đường Tôn Đức Thắng, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09 - DN**5.7 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn****5.7.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2022	01/01/2022
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Hóa đơn điện tử	-	82.500.000
Các khoản khác	28.893.288	55.805.838
Cộng	28.893.288	138.305.838

5.7.2 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2022	01/01/2022
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	23.959.496.489	25.346.061.567
Chi phí cải tạo, sửa chữa	2.006.189.468	-
Các khoản khác	405.655.844	105.151.518
Cộng	26.371.341.801	25.451.213.085

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK
Số 339 đường Tôn Đức Thắng, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09 - DN

5.8 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

5.8.1 Nợ xấu

	31/12/2022		01/01/2022	
	Dư nợ gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	T/g quá hạn	Dư nợ gốc VND
Phải thu khách hàng	2.876.020.996	-		2.713.568.266
Trung tâm PT Quý đất tỉnh Đắk Lắk	219.584.000	-	>3 năm	219.584.000
UB nhân dân xã Hòa Thắng	270.012.900	-	>3 năm	270.012.900
Ban QLDA huyện Ea Kar	774.660.000	-	>3 năm	774.660.000
Ban quản lý dự án huyện M'Drak	378.830.000	-	>3 năm	378.830.000
Phòng kinh tế huyện Cư Mgar	280.311.000	-	>3 năm	280.311.000
Nợ khó đòi (tiền nước từ 2010 trở đi)	790.170.366	-	>3 năm	790.170.366
Nợ khó đòi (tiền nước từ 2006 -> 2010)	92.017.850	-	>3 năm	92.017.850
Nợ khó đòi (tiền nước từ 2000 -> 2006)	70.434.880	-	>3 năm	70.434.880
Phải thu CBCNV	1.487.540.099	-		1.487.540.099
Ông Nguyễn Viết Thanh	1.487.540.099	-	>3 năm	1.487.540.099
Cộng	4.363.561.095	-		4.363.561.095

5.8.2 Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi

	Nợ phải thu, cho vay ngắn hạn VND	Nợ phải thu, cho vay dài hạn VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2022	1.649.992.829	-	1.649.992.829
Trích lập dự phòng bổ sung	2.713.568.266	-	2.713.568.266
Tại ngày 31/12/2022	4.363.561.095	-	4.363.561.095

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK

Số 339 đường Tôn Đức Thắng, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09 - DN

5.9 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư tại 01/01/2022	138.966.920.120	104.576.215.869	785.406.300.162	726.183.000	1.029.675.619.151
- Mua trong năm	-	2.951.031.044	18.509.050.663	-	21.460.081.707
- Đầu tư XDCB hoàn thành	541.515.119	-	17.293.756.314	-	17.835.271.433
Số dư tại ngày 31/12/2022	139.508.435.239	107.527.246.913	821.209.107.139	726.183.000	1.068.970.972.291
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư tại ngày 01/01/2022	70.056.922.260	45.807.368.554	260.726.401.051	629.065.764	377.219.757.629
- Khấu hao trong năm	5.670.152.328	13.466.546.574	59.887.102.605	90.772.872	79.114.574.379
Số dư tại ngày 31/12/2022	75.727.074.588	59.273.915.128	320.613.503.656	719.838.636	456.334.332.008
Giá trị còn lại					
- Tại ngày 01/01/2022	68.909.997.860	58.768.847.315	524.679.899.111	97.117.236	652.455.861.522
- Tại ngày 31/12/2022	63.781.360.651	48.253.331.785	500.595.603.483	6.344.364	612.636.640.283
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:					
- Tại ngày 01/01/2022	42.998.666.855	10.569.613.890	60.085.180.277	-	113.653.461.022
- Tại ngày 31/12/2022	42.998.666.855	10.801.970.741	61.836.844.473	-	115.637.482.069

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình mang đi cầm cố thế chấp tại ngày 31/12/2022 là: 75.985.605.025 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK

Số 339 đường Tôn Đức Thắng, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09 - DN**5.10 Tăng giảm tài sản cố định vô hình**

	Chương trình phần mềm	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư tại ngày 01/01/2022	2.503.000.000	3.615.264.545	6.118.264.545
- Mua trong năm	158.470.000	-	158.470.000
Số dư tại ngày 31/12/2022	2.661.470.000	3.615.264.545	6.276.734.545
Giá trị hao mòn			
Số dư tại ngày 01/01/2022	735.163.651	911.138.224	1.646.301.875
- Khấu hao trong năm	334.522.110	496.051.770	830.573.880
Số dư tại ngày 31/12/2022	1.069.685.761	1.407.189.994	2.476.875.755
Giá trị còn lại			
- Tại ngày 01/01/2022	1.767.836.349	2.704.126.321	4.471.962.670
- Tại ngày 31/12/2022	1.591.784.239	2.208.074.551	3.799.858.790
Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:			
- Tại ngày 01/01/2022	42.400.000	519.225.454	561.625.454
- Tại ngày 31/12/2022	42.400.000	519.225.454	561.625.454

5.11 Chi phí XDCB dở dang

	01/01/2022	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển tăng TSCĐ	31/12/2022
	VND	VND	VND	VND
- Dự án Cấp nước 3 Huyện	1.204.830.684	-	-	1.204.830.684
- Lắp đặt tuyến ống HDPE D63 Thôn 2 xã EaTu TP BMT	670.636.546	36.071.120	706.707.666	-
- Lắp ống HDPE D160+D90+D63 TT Krông Năng	3.255.453.242	294.214.555	3.549.667.797	-
- Lắp ống HDPE D110, HDPE D90, HDPE D63 huyện Ea Kar	1.997.583.137	786.650.073	2.784.233.210	-
- Lắp đồng hồ TB CN BMT	-	3.216.630.370	3.216.630.370	-
- Lắp đặt ống HDPE D90, D63 thôn 13,14,18 xã Hoà Khánh, TP.BMT	-	2.310.441.572	-	2.310.441.572
- Công trình khác	2.127.027.729	23.726.508.396	18.914.826.584	6.938.709.541
Cộng	9.255.531.338	30.370.516.086	29.172.065.627	10.453.981.797

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK

Số 339 đường Tôn Đức Thắng, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09 - DN**5.12 Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả các bên liên quan				
Phải trả nhà cung cấp khác				
Công ty Cổ phần HAWACO Miền Nam	4.861.709.999	4.861.709.999	5.687.709.999	5.687.709.999
Ban quản lý công trình vốn khấu hao	1.558.001.433	1.558.001.433	1.558.001.433	1.558.001.433
Công ty TNHH Cấp nước Buôn Ma Thuột	1.095.293.382	1.095.293.382	687.212.051	687.212.051
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TNG	-	-	1.930.218.204	1.930.218.204
Công Ty TNHH Thương mại dịch vụ sản xuất Bình An An	977.268.131	977.268.131	2.282.603.140	2.282.603.140
Các đối tượng khác	4.101.379.727	4.101.379.727	3.874.581.794	3.874.581.794
Cộng	12.593.652.672	12.593.652.672	16.020.326.621	16.020.326.621

5.13 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan				
Người mua trả tiền trước khác				
Công ty TNHH Đầu tư phát triển đô thị Đắk Lắk (GD2)	-	-	216.668.291	216.668.291
Công ty TNHH Đầu tư công nghệ SeaGol	102.910.000	102.910.000	102.910.000	102.910.000
Ban QLDA ĐTXDCT Dân dụng và CN tỉnh Đắk Lắk	-	-	469.362.000	469.362.000
Các đối tượng khác	69.547	69.547	-	-
Cộng	102.979.547	102.979.547	788.940.291	788.940.291

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK
Số 339 đường Tôn Đức Thắng, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09 - DN

5.14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2022		Phát sinh trong năm		01/01/2022	
	Phải nộp VND	Phải thu VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải nộp VND	Phải thu VND
Thuế giá trị gia tăng	457.018.323	-	401.231.002	858.249.325	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	22.274.757	-	147.851.747	147.917.355	22.209.149	-
Thuế tài nguyên	201.260.224	-	2.913.979.064	2.883.278.358	231.960.930	-
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	-	89.922.422	89.922.422	-	-
Các loại thuế khác	-	-	8.000.000	8.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản khác	1.140.387.324	-	16.364.527.420	16.153.649.677	1.351.265.067	-
Cộng	1.820.940.628	-	19.925.511.655	20.141.017.137	1.605.435.146	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK

Số 339 đường Tôn Đức Thắng, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09 - DN

5.15 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Chi phí lãi vay	1.075.054.403	2.155.741.439
Chi phí tiền điện tháng 12	927.428.926	-
Chi phí khác	90.909.091	459.203.000
Cộng	2.093.392.420	2.614.944.439

5.16 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác**5.16.1 Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả các bên liên quan	-	-	-	-
Phải trả các đối tượng khác	17.318.885.737	17.318.885.737	17.942.765.673	17.942.765.673
Kinh phí công đoàn	-	-	3.802.492	3.802.492
Bảo hiểm xã hội	-	-	50.576.782	50.576.782
Phí thoát nước phải trả	4.411.525.303	4.411.525.303	3.081.434.880	3.081.434.880
Tín dụng chuyên ngành Hiệp định VN X-3	8.059.727.581	8.059.727.581	8.059.727.581	8.059.727.581
Phải trả Nhà nước về cổ phần hóa	2.497.465.174	2.497.465.174	2.497.465.174	2.497.465.174
Phải trả khác	2.350.167.679	2.350.167.679	4.249.758.764	4.249.758.764
Cộng	17.318.885.737	17.318.885.737	17.942.765.673	17.942.765.673

5.16.2 Phải trả dài hạn khác

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (i)	1.155.026.003	1.155.026.003	934.526.003	934.526.003
Cộng	1.155.026.003	1.155.026.003	934.526.003	934.526.003

(i): là các khoản ký quỹ của các khách hàng sử dụng nước sạch.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK

Số 339 đường Tôn Đức Thắng, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09 - DN

5.17 Vay và nợ thuê tài chính**5.17.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	31/12/2022		Trong năm			01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Chênh lệch tỷ giá	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	-	-	16.360.399.435	26.243.207.642	-	9.882.808.207	9.882.808.207
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	-	-	-	9.882.808.207	-	9.882.808.207	9.882.808.207
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	-	-	16.360.399.435	16.360.399.435	-	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	46.189.271.779	46.189.271.779	34.526.102.685	40.594.548.784	-	52.257.717.878	52.257.717.878
Quỹ đầu tư phát triển Đắk Lắk	-	-	2.354.507.408	18.494.507.408	-	16.140.000.000	16.140.000.000
Ngân hàng Phát triển Châu Á (i)	46.189.271.779	46.189.271.779	32.171.595.277	21.986.041.376	-	36.003.717.878	36.003.717.878
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	-	-	-	114.000.000	-	114.000.000	114.000.000
Cộng	46.189.271.779	46.189.271.779	50.886.502.120	66.837.756.426	-	62.140.526.085	62.140.526.085

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK

Số 339 đường Tôn Đức Thắng, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09 - DN

5.17.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2022		Trong năm		01/01/2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay dài hạn	379.991.145.521	379.991.145.521	-	34.868.102.685	400.695.807.184	400.695.807.184
Quỹ đầu tư phát triển Đắk Lắk	-	-	-	2.354.507.408	2.354.507.408	2.354.507.408
Ngân hàng Phát triển Châu Á	379.991.145.521	379.991.145.521		32.171.595.277	14.163.441.022	397.999.299.776
(i)						
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	-	-	-	342.000.000	-	342.000.000
Cộng	379.991.145.521	379.991.145.521	-	34.868.102.685	14.163.441.022	400.695.807.184

(i) Thông tin thuyết minh bổ sung cho các vay và nợ thuê tài chính:

Hợp đồng vay	Thời hạn vay	Lãi suất	Hạn mức vay	Số dư nợ gốc tại 31/12/2022	Dư nợ đến hạn trả trong 12 tháng	Mục đích vay	Tài sản bảo đảm
DÀI HẠN							
Khoản vay Ngân hàng Phát triển Châu Á LOAN NO.2916-VIE vay vốn OCR của ADB ngày 17/4/2014	25 năm	LIBOR (USD 6 tháng), lãi suất cụ thể theo thông báo của ADB theo từng kỳ trả nợ	24.590.000 USD	17.936.886,25 USD	1.943.992,92 USD	Thực hiện dự án cấp nước TP Buôn Ma Thuột và 3 huyện (Krông Năng, Ea Kar, Buôn Đôn)	- Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay
				quy đổi:			
				426.180.417.300	46.189.271.779		
Cộng				426.180.417.300	46.189.271.779		

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK

Số 339 đường Tôn Đức Thắng, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09 - DN

5.18 Vốn chủ sở hữu**5.18.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	LNST chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Năm trước			
Số dư tại ngày 01/01/2021	315.200.000.000	(3.957.997.723)	311.242.002.277
Lãi trong năm trước		676.842.881	676.842.881
Điều chỉnh		42.689.922	42.689.922
Số dư tại ngày 31/12/2021	315.200.000.000	(3.238.464.920)	311.961.535.080
Năm nay			
Số dư tại ngày 01/01/2022	315.200.000.000	(3.238.464.920)	311.961.535.080
Lỗ trong năm nay		(15.376.429.516)	(15.376.429.516)
Số dư tại ngày 31/12/2022	315.200.000.000	(18.614.894.436)	296.585.105.564

5.18.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk	113.472.000.000	36,00%	113.472.000.000	36,00%
Phạm Thùy Linh	78.181.000.000	24,80%	78.181.000.000	24,80%
Đỗ Hoàng Phúc	50.000.000.000	15,86%	50.000.000.000	15,86%
Đỗ Hoàng Phương	58.352.000.000	18,51%	58.352.000.000	18,51%
Cổ đông khác	15.195.000.000	4,82%	15.195.000.000	4,82%
Cộng	315.200.000.000	100%	315.200.000.000	100%

5.18.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	315.200.000.000	315.200.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	315.200.000.000	315.200.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK

Số 339 đường Tôn Đức Thắng, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09 - DN

5.18.3 Cổ phiếu

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	31.520.000	31.520.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	31.520.000	31.520.000
Cổ phiếu phổ thông	31.520.000	31.520.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	31.520.000	31.520.000
Cổ phiếu phổ thông	31.520.000	31.520.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu cung cấp nước sạch	166.668.635.324	155.492.154.746
Doanh thu hoạt động ống nhánh và cung cấp dịch vụ	22.929.174.294	23.522.033.568
Cộng	<u>189.597.809.618</u>	<u>179.014.188.314</u>

6.2 Giá vốn hàng bán

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá vốn hoạt động cung cấp nước sạch	94.751.987.143	98.549.747.287
Giá vốn hoạt động ống nhánh và cung cấp dịch vụ	17.173.818.476	17.066.035.751
Cộng	<u>111.925.805.619</u>	<u>115.615.783.038</u>

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.388.954.616	485.256.342
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	2.694.425.843
Cộng	<u>1.388.954.616</u>	<u>3.179.682.185</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK

Số 339 đường Tôn Đức Thắng, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09 - DN

6.4 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền vay	12.064.353.556	3.526.628.819
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	8.764.881.789	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	5.398.559.233	-
Cộng	26.227.794.578	3.526.628.819

6.5 Chi phí bán hàng

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nhân viên	6.197.225.775	9.550.696.374
Chi phí vật liệu, bao bì	55.060.146	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	34.676.523.521	32.184.435.471
Chi phí dịch vụ mua ngoài	73.500.000	248.879.292
Chi phí bằng tiền khác	657.507.650	-
Cộng	41.659.817.092	41.984.011.137

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	13.293.039.602	10.481.682.289
Chi phí vật liệu quản lý	335.130.860	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.863.426.370	3.898.396.242
Thuế, phí và lệ phí	8.000.000	-
Chi phí dự phòng	2.713.568.266	1.649.992.829
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.303.528.852	1.590.208.348
Chi phí bằng tiền khác	4.838.964.149	3.283.018.734
Cộng	26.355.658.099	20.903.298.442

6.7 Thu nhập khác

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Tiền phạt thu được	289.299.941	-
Các khoản khác	321.360.444	820.330.090
Cộng	610.660.385	820.330.090

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK

Số 339 đường Tôn Đức Thắng, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09 - DN**6.8 Chi phí khác**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Các khoản phạt	499.023.409	20.498.215
Các khoản khác	242.885.393	196.298.422
Cộng	741.908.802	216.796.637

6.9 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(15.376.429.516)	676.842.012
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế TNDN	499.023.409	20.498.215
Các khoản điều chỉnh tăng	499.023.409	20.498.215
<i>Các khoản chi phí không được trừ</i>	499.023.409	20.498.215
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Các khoản lỗ được kết chuyển	-	(697.340.227)
Thu nhập tính thuế TNDN	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

Lỗ được khấu trừ thuế có thể được mang sang kỳ sau để bù trừ vào thu nhập chịu thuế của những năm tiếp theo tối đa là 05 năm kể từ thời điểm phát sinh khoản lỗ đó. Bảng theo dõi lỗ được chuyển cho các năm sau được tính như sau:

Năm phát sinh	Tình trạng	Lỗ thuế trong năm	Lỗ đã sử dụng	Lỗ đã quá hạn	Lỗ còn được chuyển	Năm hết hạn
		VND	VND	VND	VND	VND
2019	Đã quyết toán	5.555.180.309	(2.746.319.502)	-	2.808.860.807	2024
2022	Chưa quyết toán	14.877.406.107	-	-	14.877.406.107	2027

6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	(15.376.429.516)	676.842.012
Lợi nhuận hoặc (Lỗ) phân bổ cho cổ đông phổ thông	(15.376.429.516)	676.842.012
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	31.520.000	31.520.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(488)	21

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK

Số 339 đường Tôn Đức Thắng, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09 - DN**6.11 Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	(15.376.429.516)	676.842.012
Lợi nhuận hoặc (Lỗ) phân bổ cho cổ đông phổ thông	(15.376.429.516)	676.842.012
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	31.520.000	31.520.000
Số cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	(488)	21

6.12 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nhân công	49.976.560.076	61.764.602.650
Chi phí nguyên liệu, công cụ dụng cụ	28.914.378.343	6.810.990.726
Chi phí khấu hao tài sản cố định	79.945.148.259	69.036.464.946
Thuế, phí, lệ phí	8.000.000	4.050.021.047
Chi phí dự phòng	2.713.568.266	1.649.992.829
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.868.263.291	24.018.501.106
Chi phí khác bằng tiền	11.134.965.250	12.237.067.397
Cộng	181.560.883.485	179.567.640.701

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ**7.1 Tiền thu từ đi vay**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	16.360.399.435	100.216.890.984
Cộng	16.360.399.435	100.216.890.984

7.2 Tiền trả nợ gốc vay

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	67.179.756.426	51.017.954.272
Cộng	67.179.756.426	51.017.954.272

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK

Số 339 đường Tôn Đức Thắng, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09 - DN

8. CÁC THÔNG TIN KHÁC**8.1 Giao dịch với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

8.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Họ tên	Chức vụ	Năm 2022			Năm 2021		
		Lương, thù lao	Thưởng	Cộng	Lương, thù lao	Thưởng	Cộng
Đỗ Hoàng Phúc	Chủ tịch HĐQT	374.342.307	-	374.342.307	-	-	-
Nguyễn Công Định	Thành viên HĐQT - Phó TGD	364.064.710	1.000.000	365.064.710	342.000.000	1.000.000	343.000.000
Nguyễn Khắc Dân	Thành viên HĐQT - Tổng GD	424.342.307	1.000.000	425.342.307	399.000.000	1.000.000	400.000.000
Đỗ Hoàng Phương	Thành viên HĐQT	100.000.000	-	100.000.000	-	-	-
Ngô Đức Vũ	Thành viên HĐQT	0	1.000.000	1.000.000	307.800.000	1.000.000	308.800.000
Nguyễn Hùng	Phó Tổng Giám đốc	315.381.372	1.000.000	316.381.372	296.400.000	1.000.000	297.400.000
Hoàng Thị Thu Hà	Phó Tổng Giám đốc	366.268.165	1.000.000	367.268.165	30.000.000	1.000.000	31.000.000
Lê Đặng Uyên Đan	Trưởng Ban kiểm soát	21.000.000	-	21.000.000	9.000.000	-	9.000.000
Trần Quốc Độ	Kế toán trưởng	315.381.372	1.000.000	316.381.372	296.400.000	1.000.000	297.400.000
Cộng		2.280.780.233	6.000.000	2.286.780.233	1.680.600.000	6.000.000	1.686.600.000

8.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các bên liên quan khác.

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục 5.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK

Số 339 đường Tôn Đức Thắng, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09 - DN

8.2 Số liệu so sánh

Số liệu đầu năm trên Bảng cân đối kế toán và số liệu so sánh năm trước trên Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lấy tại Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Grant Thornton (Việt Nam).

Do đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, Công ty vẫn chưa được quyết toán chi phí cổ phần hóa và xác định giá trị phần vốn nhà nước để bàn giao sang Công ty cổ phần. Vì vậy, số liệu đầu năm có thể thay đổi sau khi Công ty được Cơ quan quản lý phê duyệt chính thức.

8.3 Thông tin về hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.



Đỗ Hoàng Phúc
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Đắk Lắk, Việt Nam
Ngày 10 tháng 03 năm 2023

Trần Quốc Độ
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Hiền
Người lập biểu

Nơi nhận:

- UBCKNN (báo cáo);
- HNX (báo cáo);
- Lưu: VT, CBTT.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



Đỗ Hoàng Phúc